

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề thi: 001

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết điểm du lịch nào sau đây có du lịch biển?

- A. Ba Na. B. Ba Tơ. C. Tây Sơn. D. Sa Huỳnh.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết gió mùa hạ thổi vào vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ có hướng nào sau đây?

- A. Đông Bắc. B. Đông Nam. C. Tây Nam. D. Tây Bắc.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khai thác thiếc có ở nơi nào sau đây?

- A. Quy Châu. B. Thạch Khê. C. Cổ Định. D. Quy Hợp.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đèo Mang Yang nằm trên quốc lộ nào sau đây?

- A. Quốc lộ 27. B. Quốc lộ 28. C. Quốc lộ 19. D. Quốc lộ 26.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy điện nào sau đây có quy mô lớn hơn cả?

- A. Thác Bà. B. Tuyên Quang. C. Phả Lại. D. Na Dương.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Quảng Trị. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Ngãi. D. Thanh Hóa.

Câu 47: Vùng đồng bằng nước ta thường xảy ra hiện tượng

- A. xói mòn. B. lũ quét. C. nhiễm mặn đất. D. động đất.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn hơn thủy sản khai thác?

- A. Ninh Thuận. B. Bình Thuận. C. An Giang. D. Kiên Giang.

Câu 49: Biện pháp bảo vệ sự đa dạng sinh học ở nước ta là

- A. lập khu bảo tồn. B. phủ xanh núi trọc.
C. tiến hành giao đất. D. trồng rừng sản xuất.

Câu 50: Công nghiệp của nước ta hiện nay

- A. không có ở miền núi. B. chỉ có ở ven biển.
C. chỉ có ở các đô thị. D. phân bố ở nhiều nơi.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Phú Yên?

- A. Quy Nhơn. B. Tuy Hòa. C. Cam Ranh. D. Tam Kỳ.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có diện tích lưu vực lớn hơn cả?

- A. Sông Mã. B. Sông Cả. C. Sông Thái Bình. D. Sông Ba.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây có khu kinh tế ven biển và khu kinh tế cửa khẩu?

- A. Nghệ An. B. Thanh Hóa. C. Quảng Bình. D. Quảng Trị.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết sông Hậu đổ ra cửa biển nào sau đây?

- A. Cổ Chiên. B. Ba Lai. C. Hàm Luông. D. Định An.

Câu 55: Thuận lợi để phát triển du lịch biển đảo ở Đông Nam Bộ là có

- A. bãi tắm. B. rừng ngập mặn. C. ngư trường. D. vũng vịnh.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết hồ Cẩm Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bắc Giang. B. Quảng Ninh. C. Lạng Sơn. D. Thái Nguyên.

Câu 65: Dân số nước ta hiện nay

A. có thành phần dân tộc rất đa dạng.

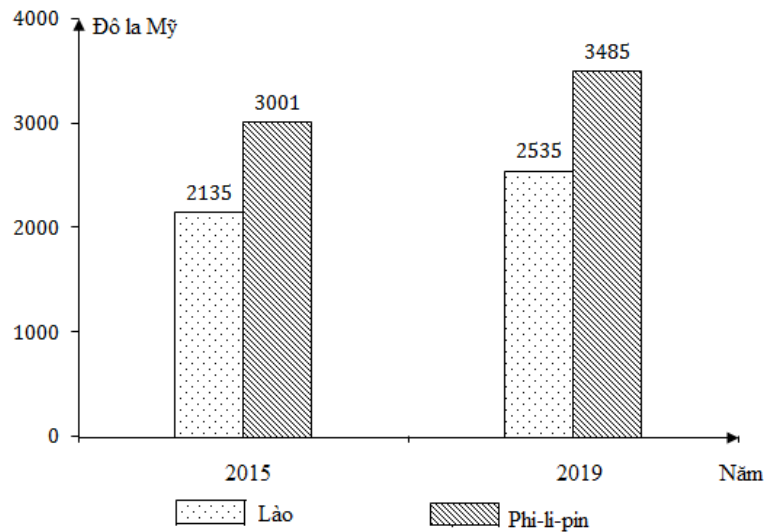
C. có mật độ rất cao tại các vùng đồi núi.

B. có người cao tuổi chiếm tỉ lệ lớn nhất.

D. tập trung đông nhất ở trên các đảo.

Câu 66: Cho biểu đồ sau:

GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA LÀO VÀ PHI-LI-PIN



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sự thay đổi GDP bình quân đầu người năm 2019 so với năm 2015 của Lào và Phi-li-pin?

A. Lào tăng nhiều hơn Phi-li-pin

C. Phi-li-pin tăng nhanh hơn Lào.

B. Phi-li-pin tăng ít hơn Lào.

D. Lào tăng nhanh hơn Phi-li-pin.

Câu 67: Giao thông vận tải nước ta hiện nay

A. ngành đường sông rất phát triển.

C. đa dạng về các loại hình vận tải.

B. có mạng lưới dày đặc ở vùng núi.

D. chỉ ưu tiên phát triển đường biển.

Câu 68: Ngành viễn thông nước ta hiện nay

A. chưa có ở khu vực miền núi.

C. có mạng lưới và thiết bị lạc hậu.

B. có nhiều loại hình dịch vụ.

D. chỉ phục vụ điện thoại di động.

Câu 69: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay

A. chỉ thực hiện ở lĩnh vực các ngành.

C. tăng nhanh tỉ trọng ngành nông nghiệp.

B. giảm nhanh tỉ trọng ngành dịch vụ.

D. đã hình thành các vùng chuyên canh.

Câu 70: Các đô thị ở nước ta hiện nay

A. phát triển nhất ở vùng đồi núi.

C. có tỉ lệ dân thành thị tăng thêm.

B. đạt trình độ ở mức rất hiện đại.

D. có số dân thành thị ngày càng giảm.

Câu 71: Chăn nuôi lợn ở nước ta hiện nay

A. tập trung chủ yếu ở vùng đồi núi.

C. chỉ tạo nguyên liệu cho công nghiệp.

B. phát triển mạnh ở nhiều địa phương.

D. chỉ sử dụng nguồn thức ăn chế biến.

Câu 72: Hệ thống đảo của nước ta

A. thuận lợi cho khai thác khoáng sản.

C. có nhiều thế mạnh nuôi gia súc lớn.

B. chủ yếu là các đảo có diện tích lớn.

D. phần lớn là các đảo nằm ven bờ.

Câu 73: Khí hậu miền Nam phân thành hai mùa rõ rệt chủ yếu do tác động kết hợp của

A. gió hướng tây nam, Tín phong bán cầu Bắc và hướng địa hình.

B. Tín phong bán cầu Bắc với địa hình dãy núi Trường Sơn Nam.

C. Tín phong Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới.

D. gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc và độ cao địa hình.

Câu 74: Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản phẩm cây hồ tiêu ở Tây Nguyên là

- A. tăng năng suất, mở rộng các thị trường tiêu thụ.
- B. sử dụng giống có năng suất cao, tăng diện tích.
- C. áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đẩy mạnh xuất khẩu.
- D. mở rộng vùng chuyên canh, phát triển thủy lợi.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng tập trung chăn nuôi gia súc lớn ở Bắc Trung Bộ là

- A. đẩy mạnh tăng trưởng sản xuất, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu.
- B. giải quyết nhu cầu thực phẩm, tạo nguyên liệu cho công nghiệp.
- C. khai thác hợp lý tự nhiên, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa.
- D. đa dạng hóa nông nghiệp, bảo vệ tốt tài nguyên và môi trường.

Câu 76: Giải pháp chủ yếu phát huy thế mạnh tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. khai hoang, trồng cây ăn quả và phát triển kinh tế biển.
- B. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải tạo đất và bảo vệ rừng.
- C. đẩy mạnh trồng cây hoa màu và trồng rừng ngập mặn.
- D. phát triển công nghiệp chế biến và thúc đẩy xuất khẩu.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

(Đơn vị: Nghìn tấn)

| Năm | 2010 | 2015 | 2020 |
|------------|---------|---------|--------|
| Khai thác | 2.414,4 | 3.049,9 | 3863,7 |
| Nuôi trồng | 2.728,3 | 3.532,2 | 4633,5 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô sản lượng thủy sản của nước ta, giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào là thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Tròn.
- C. Miền.
- D. Cột.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. sử dụng hiệu quả lao động, nâng cao mức sống người dân.
- B. thu hút nguồn đầu tư, tận dụng diện tích mặt nước của vùng.
- C. giải quyết việc làm, phát triển công nghiệp chế biến thủy sản.
- D. giải quyết vấn đề thực phẩm, tạo nhiều sản phẩm hàng hóa.

Câu 79: Thế mạnh chủ yếu để phát triển ngành chăn nuôi gia cầm ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. nguồn lao động có kinh nghiệm, công nghiệp phát triển.
- B. hạ tầng hiện đại, hoa màu nhiều, thị trường tiêu thụ lớn.
- C. vị trí giáp biển, nguồn nước mặt dồi dào, thị trường lớn.
- D. cơ sở thức ăn đảm bảo, nhu cầu tiêu dùng thực phẩm lớn.

Câu 80: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh sản xuất cây ăn quả ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thay đổi cơ cấu cây trồng, quy hoạch các vùng chuyên canh.
- B. tập trung đầu tư, phát triển việc chế biến, mở rộng thị trường.
- C. hạn chế nạn du canh du cư, tổ chức sản xuất và liên kết vùng.
- D. hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

| Mã đề Câu | 001 | 002 | 003 | 004 |
|--------------|-----|-----|-----|-----|
| 41 | D | C | A | B |
| 42 | B | B | A | B |
| 43 | D | D | B | A |
| 44 | C | D | C | A |
| 45 | C | D | B | A |
| 46 | A | B | C | C |
| 47 | C | B | B | C |
| 48 | C | B | C | B |
| 49 | A | A | C | C |
| 50 | D | B | C | D |
| 51 | B | C | A | B |
| 52 | B | A | B | A |
| 53 | C | C | B | D |
| 54 | D | A | A | C |
| 55 | A | A | C | B |
| 56 | A | B | B | C |
| 57 | B | C | D | C |
| 58 | D | D | C | B |
| 59 | C | C | B | A |
| 60 | B | C | B | D |
| 61 | A | D | A | A |
| 62 | D | D | A | B |
| 63 | B | C | A | B |
| 64 | D | D | D | C |
| 65 | A | D | B | B |
| 66 | D | B | B | D |
| 67 | C | D | B | B |
| 68 | B | D | D | C |
| 69 | D | C | C | C |
| 70 | C | B | D | B |
| 71 | B | C | D | C |
| 72 | D | C | A | D |
| 73 | A | A | C | A |
| 74 | C | B | A | A |
| 75 | C | A | B | D |
| 76 | B | D | D | C |
| 77 | D | C | D | D |
| 78 | D | B | A | B |
| 79 | D | C | D | C |
| 80 | B | D | D | D |